

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TRÀNG ĐỊNH  
TỈNH LẠNG SƠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 04/2024/HS-ST  
Ngày 01-3-2024

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀNG ĐỊNH, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Bình

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Đàm Thiếu Phương;

Bà Nông Thị Hồng Thắm

Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Mai Hương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Trọng Hình - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 04/2024/TLST - HS ngày 18 tháng 01 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2024/TLST - HS ngày 16 tháng 02 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lý Thị K**; Tên gọi khác: Không, sinh ngày 10/7/1959 tại huyện T, tỉnh L; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn H, xã Q, huyện T, tỉnh L; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hoá: 7/10; dân tộc: Nùng; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lý Văn M, sinh năm 1925 (đã chết); Con bà: Nông Thị C, sinh năm 1929 (đã chết); Chồng: Nông Văn E, sinh năm 1962 (đã chết); Con: Có 03 người, con lớn sinh năm 1994, con nhỏ sinh năm 1999; tiền án, tiền sự: Không có; Nhân thân: Bị cáo chưa bị kết án, chưa bị xử lý hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ 16/11/2023 cho đến nay, có mặt.

- Bị hại: Ông Nông Văn L, sinh năm 1964

Địa chỉ: Thôn H, xã Q, huyện T, tỉnh L, có mặt.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Bà Phan Thị T, sinh năm 1964

Địa chỉ: Thôn H, xã Q, huyện T, tỉnh L, có mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ ngày 18/9/2023, Lý Thị K trong lúc đi ăn cưới trong thôn thì được người dân nói cho biết thửa đất rừng số 931 ở khu đồi C thuộc thôn H, xã Q, huyện T mà bà K đang tranh chấp với ông Nông Văn L đã được ông L đi trồng cây bạch đàn trên đó. Do bức tức nên khoảng 13 giờ cùng ngày, bà K một mình đi bộ lên thửa đất 931 dùng tay phá, nhổ gốc tổng số 560 cây bạch đàn, cây cao 01 mét đến 1,5 mét đường kính gốc từ 01cm đến 1,5 cm do ông Nông Văn L cùng vợ là Phan Thị T trồng từ tháng 4/2023 trên thửa đất rừng này. Đến khoảng 15 giờ ngày 20/9/2023 ông L đi kiểm tra rừng bạch đàn do gia đình trồng thì phát hiện nhiều cây bạch đàn bị phá, nhổ gốc đã đến Công an xã Q, huyện T trình báo sự việc.

Tại bản kết luận định giá trị tài sản: 23/KL-HĐĐGTS, ngày 09/10/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Tràng Định kết luận: 560 cây bạch đàn bị nhổ gốc, các cây có đường kính gốc từ 01 cm đến 1,5 cm có giá trị là: 7.640.000 (Bảy triệu sáu trăm bốn mươi nghìn) đồng.

Cáo trạng số: 08/CT-VKSTĐ ngày 18 tháng 01 năm 2024 truy tố bị cáo Lý Thị K, về tội “Hủy hoại tài sản” theo quy định tại khoản 1, Điều 178 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận hành vi của mình như Cáo trạng đã nêu, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Tại phiên tòa hôm nay, người bị hại và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án yêu cầu bà Lý Thị K bồi thường giá trị 560 cây bạch đàn bị nhổ gốc, các cây có đường kính gốc từ 01 cm đến 1,5 cm tương ứng với giá trị là: **7.640.000đ** (Bảy triệu sáu trăm bốn mươi nghìn) đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn thực hành quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm đã truy tố bị cáo về tội danh như Cáo trạng đã nêu và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1, Điều 178; Điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 65 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo từ 06 (sáu) tháng đến 12 (mười hai) tháng tù, cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách đối với bị cáo, về tội hủy hoại tài sản, không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo. Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Ghi nhận sự thỏa thuận của bị cáo và gia đình bị hại về việc bồi thường với số tiền 7.640.000 đồng. Về xử lý vật chứng: Không có vật chứng để xem xét giải quyết. Các vấn đề khác đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật

Tại phần tranh luận không ai có ý kiến gì tranh luận. Lời nói sau cùng của bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của những Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự, tại phiên tòa hôm nay bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Điều tra viên, Kiểm sát viên. Do đó các hành vi, quyết định của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa ngày hôm nay bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời khai của bị cáo, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử xác định: Khoảng 13 giờ ngày 18/9/2023, tại khu đồi C thuộc thôn H, xã Q, huyện T, tỉnh L, bị cáo Lý Thị K có hành vi dùng tay phá, nhổ 560 cây bạch đàn của ông Nông Văn L. Qua định giá xác định giá trị tài sản bị huỷ hoại là: **7.640.000** đồng, như vậy bị cáo Lý Thị K đã phạm tội Huỷ hoại tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 178 Bộ luật Hình sự.

[3] Về tính chất, hậu quả mức độ của hành vi phạm tội: Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình nhưng bị cáo vẫn thực hiện với lỗi cố ý, hành vi của bị cáo tuy ít nghiêm trọng nhưng đã xâm phạm đến tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự an toàn xã hội, gây hoang mang lo lắng trong một bộ phận đời sống dân cư trên địa bàn.

[4] Về nhân thân: Bị cáo là người có nhân thân tốt, do chưa có tiền án, tiền sự, chưa bị kỷ luật.

[5] Tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Quá trình điều tra, truy tố bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi của mình. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[7] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời khai của bị cáo tại phiên tòa ngày hôm nay thể hiện bị cáo không có tài sản riêng và thu nhập ổn định, do vậy không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[8] Về bồi thường thiệt hại: Tại phiên tòa bị cáo và bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án đã tự nguyện thỏa thuận với nhau về việc bồi thường. Hội đồng xét xử nhận thấy việc thỏa thuận là hoàn toàn tự nguyện, không trái điều cấm của luật và đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[9] Về xử lý vật chứng: Không có vật chứng để xem xét giải quyết.

[10] Những vấn đề khác với nhận định trên của Hội đồng xét xử, không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[11] Từ những phân tích nêu trên Hội đồng xét xử nhận thấy hành vi của bị cáo là ít nghiêm trọng; hành động trong lúc bị bộc phát, hiện đang là bị đơn trong vụ án dân sự về việc tranh chấp quyền sử dụng đất mà Tòa án đang thụ lý giải quyết; bị cáo cũng đã cao tuổi, do vậy Hội đồng xét xử thấy không cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cho bị cáo cải tạo tại địa phương dưới sự giám sát của Ủy ban nhân dân xã cũng đủ cho bị cáo nhận thức được hành vi của mình và răn đe những người có ý định phạm tội tương tự.

[12] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo khoản 2 Điều 135, khoản 2, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH.

[13] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 331; khoản 1 Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1, Điều 178; điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 65 Bộ Luật hình sự;

Căn cứ Điều 357; Điều 468; Điều 584; Điều 585; Điều 586 Bộ Luật dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 331; khoản 1 Điều 333; khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 21; điểm a khoản 1, Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Lý Thị K phạm tội “ Hủy hoại tài sản”.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 (mười tám) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (01/3/2024). Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Q, phối hợp cùng gia đình giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo pháp luật về thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố tình vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về trách nhiệm dân sự: Công nhận sự thỏa thuận của bị cáo Lý Thị K và bị hại ông Nông Văn L , bà Phan Thị T về việc bồi thường số tiền: 7.640.000 (Bảy triệu sáu trăm bốn mươi nghìn) đồng.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật nếu bị cáo chưa thanh toán được số tiền trên mà ông Nông Văn L có đơn yêu cầu thi hành án thì bị cáo còn phải chịu lãi xuất chậm trả theo quy định tại Điều 357 và 468 Bộ luật dân sự.

4. Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 382.000 (ba trăm tám mươi hai nghìn) đồng án phí dân sự có giá ngạch. Tổng số tiền án phí bị cáo phải chịu là 582.000 (Năm trăm tám mươi hai nghìn) đồng để nộp ngân sách nhà nước.

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

6. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Tràng Định;
- CQ Điều tra CA huyện Tràng Định;
- CQ THAHS huyện Tràng Định;
- Chi cục THA DS huyện Tràng Định;
- UBND xã Q, huyện Tràng Định;
- Bị cáo; bị hại; NCQL & NVLQ;
- Lưu HSVA.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ.  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đã ký**

**Hoàng Văn Bình**